

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16/01/2020

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**;
2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**;

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 712/2019/TLST-HNST ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “***Không công nhận quan hệ vợ chồng***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST-HN ngày 07/01/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 173/5, khu vực 8, phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Lâm Minh H**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 404A/12, khu vực 3, phường An Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Qua thời gian quen biết, tìm hiểu, bà và ông **Lâm Minh H** tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo truyền thống vào ngày 13/01/2019, nhưng chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống với nhau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng về lối sống, cách sinh hoạt trong gia đình, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, nên bà và ông **H** quyết định chia tay, chấm dứt cuộc sống hôn

nhân. Do vậy, nay bà làm đơn này yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – ông H trình bày tại bản tự khai: Thống nhất với ý kiến của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và mâu thuẫn. Do cả hai chưa tiến hành đăng ký kết hôn, nên nay bà T có yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Bà T và ông H cùng có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn – bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp. Bà T và ông H tự nguyện tiến tới chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, nay bà T có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông H là có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Ông bà xác định là không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông bà khai không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 8 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự.
Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lâm Minh H là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 001886 ngày 15/10/2019 thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND p AB, AK.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ